

Số: 210 /NQ-HĐND

Kbang, ngày 19 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển
và danh mục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KBANG
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân

bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Nghị quyết 134/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kbang về việc cho ý kiến về kế hoạch vốn đầu tư phát triển và danh mục thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện;

Xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc cho ý kiến về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển và danh mục thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện; Báo cáo thẩm tra số 205/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung Điều 1 và biểu kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc cho ý kiến về kế hoạch vốn đầu tư phát triển và danh mục thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện, cụ thể:

1. Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

* **Bổ sung vốn, điều chỉnh đơn vị thực hiện:** Tăng 6.949 triệu đồng, từ 140.118 triệu đồng lên 147.067 triệu đồng, cụ thể:

- Dự án 6. Bảo trì, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: tăng 6.732 triệu đồng, từ 3.786 triệu đồng lên 10.518 triệu đồng.

- Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số & miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: tăng 217 triệu đồng, từ 499 triệu đồng lên 716 triệu đồng.

+ Đơn vị thực hiện từ phòng Dân tộc sang phòng Văn hóa và Thông tin huyện.

(chi tiết có phụ lục 01, 1a, 1b kèm theo)

* **Điều chỉnh danh mục:** Dự án 4. Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số & miền núi, cụ thể:

+ Điều chỉnh danh mục các dự án đầu tư trên địa bàn thị trấn Kbang.

+ Điều chỉnh quy mô và bổ sung tổng mức đầu tư Dự án 4, tiêu chí cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa.

(chi tiết có phụ lục 02 kèm theo)

1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới:

Điều chỉnh danh mục đầu tư xã đạt 15-18 tiêu chí trên địa bàn xã Kông Long Khong.

(chi tiết có phụ lục 03 kèm theo)

Các nội dung còn lại thực hiện theo Nghị quyết 134/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kbang.


Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị Quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Kbang khóa VIII, Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh được bầu tại huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Website huyện;
- Lưu VT, VP, TH. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tuyển



**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐÔNG BẢO ĐÀN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOÀN 2021-2025 HUYỆN KBANG**
(Kèm theo Nghị quyết số 210/NQ-HBND ngày 19/12/2023 của HĐND Huyện Kbang)

Số 134/NQ-HBND ngày 30/8/2022

Kế hoạch điều chỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các đơn vị	Tổng cộng Chương trình	Dự án 6, Bảo trì, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch		Dự án 10, Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN, Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		Dự án 2, Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN		Dự án 6, Bảo trì, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch		Dự án 10, Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN, Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		Dự án 2, Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN		Tổng (+) giảm (-)									
			Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Tổng vốn	NSTW	NSDP					
			Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW				NSDP				
	Tổng cộng	140.118,0	64.992,0	75.126,0	3.786,0	2.588,0	1.198,0	499,0	499,0	0,0	147.067,0	69.811,0	77.256,0	10.518,0	7.190,0	3.328,0	716,0	716,0	0,0	6.949,0	4.819,0	2.130,0		
1	Thị trấn	7.408,0	5.743,0	1.665,0							7.408,0	5.743,0	1.665,0											
2	Xã Đông	1.039,0	271,0	768,0							1.039,0	271,0	768,0											
3	Xã Nghĩa An	469,0	237,0	232,0							469,0	237,0	232,0											
4	Xã Kông Bô La	5.153,0	4.445,0	708,0							5.153,0	4.445,0	708,0											
5	Xã Kông Long Khơng	6.770,0	5.784,0	986,0							6.770,0	5.784,0	986,0											
6	Xã Tô Tung	2.464,0	1.735,0	729,0							2.464,0	1.735,0	729,0											
7	Xã Lô Ku	6.313,0	5.827,0	486,0							6.313,0	5.827,0	486,0											
8	Xã Sơn Lang	1.284,0	157,0	1.127,0							1.284,0	157,0	1.127,0											
9	Xã Sơ Pài	2.911,5	2.811,0	100,5							2.911,5	2.811,0	100,5											
10	Xã Đak Smar	2.654,0	1.498,0	1.156,0							2.654,0	1.498,0	1.156,0											
11	Xã Kông	5.756,0	5.620,5	135,5							5.756,0	5.620,5	135,5											
12	Xã Đak Rong	10.366,0	9.891,0	475,0							10.366,0	9.891,0	475,0											
13	Xã Kơn Pơ	1.930,5	1.685,5	245,0							1.930,5	1.685,5	245,0											
14	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	81.315,0	16.200,0	65.115,0							81.315,0	16.200,0	65.115,0											
15	Phòng Dân tộc huyện	499,0	499,0																					
16	Phòng Văn hóa và Thông tin	3.786,0	2.588,0	1.198,0							11.234,0	7.906,0	3.328,0	10.518,0	7.190,0	3.328,0	716,0	716,0		-499,00	-499,00	7.448,0	5.318,0	2.130,0

PHỤ LỤC 01a

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TÓT ĐẸP CỦA CÁC ĐTTS GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Kbang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	KH vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó		Điều chỉnh, bổ sung		KH vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Giảm	Tăng		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
1	2	5	6	7	8	9	10=5-8+9	11	12	
	TỔNG SỐ	3.786,0	2.588,0	1.198,0	3.786,0	10.518,0	10.518,0	7.190,0	3.328,0	
I	PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN	3.786,0	2.588,0	1.198,0	3.786,0	10.518,0	10.518,0	7.190,0	3.328,0	
1	Danh mục theo Nghị quyết 134/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	3.786,0	2.588,0	1.198,0	3.786,0	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi điểm đến du lịch tiêu biểu	348,0	238,0	110,0	348,0	-	-	-	-	
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, làng truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	1.192,0	815,0	377,0	1.192,0	-	-	-	-	
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	457,0	312,0	145,0	457,0	-	-	-	-	
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	1.192,0	815,0	377,0	1.192,0	-	-	-	-	
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	597,0	408,0	189,0	597,0	-	-	-	-	
II	Danh mục điều chỉnh, bổ sung	-	-	-	-	10.518,0	10.518,0	7.190,0	3.328,0	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu									
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, làng truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số									
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi									
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch									(*)

1/4

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG CỬA LÍNH VỰC DÀN TỌC GIAI ĐOẠN 2021-2025 (Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN) (Kèm theo Nghị quyết số 810 /NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Khang)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các đơn vị, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	KC-HT	Quy mô (dự kiến)	KH vốn giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	KH vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Tăng (+)	Giảm (-)			Tổng số	Ngân sách Trung ương	chính	
I	Thị trấn Khang				1	2	3	4	5	6=7	7=2+3-4			
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Hưang	Thị trấn Khang	2022	Nhà sàn, khung BTCT, sân vận, tường xây gạch, mái lợp ngói	5.512,0	5.512,0	2.752,0	2.752,0	0,0	5.512,0	5.512,0			
2	Mở rộng đường khu dân cư nội làng Chreh	Thị trấn Khang	2022	BTXM, hệ thống thoát nước, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	730,0	730,0				730	730			
3	Đường ra khu SX tập trung dân Đắk Lơ Bok làng Chiềng	Thị trấn Khang	2022	BTXM, hệ thống thoát nước, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	165,0	165,0				165	165			
4	Đường ra khu sản xuất tập trung dân Đắk Ynao, làng Nak	Thị trấn Khang	2023-2025	BTXM, hệ thống thoát nước, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	99,0	99,0				99	99			
5	Mở rộng đường quy hoạch làng Chreh	Thị trấn Khang	2023-2025	BTXM, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	1.000,0	1.000,0				0	0		Không đầu tư	
6	Mở rộng đường quy hoạch làng Chreh	Thị trấn Khang	2023-2025	BTXM, hệ thống thoát nước, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	1.000,0	1.000,0				0	0		Không đầu tư	
7	Đường nội làng Hốp	Thị trấn Khang	2023-2025	BTXM, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	400,0	400,0		88,0		912	912		Điều chỉnh giảm vốn	
8	Hệ thống thoát nước làng HTăng	Thị trấn Khang	2023-2025	Nhà sàn, khung BTCT, sân vận, tường xây gạch, mái lợp ngói	418,0	418,0		246,0		154	154		Điều chỉnh giảm vốn	
9	Nâng cấp cải tạo Nhà sinh hoạt cộng đồng và khuôn viên Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Nak	Thị trấn Khang	2023-2025	Nhà sàn, khung gỗ, sân vận, tường vận, mái lợp ngói; Nhà vệ sinh, công, tường rào, sân bê tông	700,0	700,0	500,0			1.200	1.200		Không đầu tư	
10	Hệ thống thoát nước các làng	Thị trấn Khang	2023-2025	Hệ thống thoát nước			1.052,0			1.052	1.052		Bổ sung	
11	Nâng cấp cải tạo Nhà sinh hoạt cộng đồng và khuôn viên Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Hốp	Thị trấn Khang	2023-2025	Nhà sàn, khung gỗ, sân vận, tường vận, mái lợp ngói; Nhà vệ sinh, công, tường rào, sân bê tông			1.200,0			1.200	1.200		Bổ sung	
II	Ban quản lý Dự án DTXD huyện													
1	Đường từ trung tâm xã Sơ P'ai đi xã Đak Smar	Xã Sơ P'ai, xã Đak Smar	2023-2025	BTXM, hệ thống thoát nước, Bm=3,5m, Bn= 5m, M250, L=4,2 km	11.200,0	11.200,0	11.200,0	11.200,0	16.500,0	11.200,0	11.200,0		Điều chỉnh	
2	Đường từ trung tâm xã Kông Long Khong, Kông Bờ La đi xã Đông (đoạn nhà Năm Văn đi Cầu treo)	Xã Đông	2023-2025	BTXM, hệ thống thoát nước, Bm=3,5 m, Bn= 5m, M250, L=2,8 km	4.480,0	4.480,0		4.480,0		0	0		Điều chỉnh	

PHỤ LỤC 01b

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO ĐTT&MN. KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Tiền dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi)

(Kèm theo Nghị quyết số 210 /NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Kbang)

STT	Đơn vị, danh mục	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng cộng	716	716	0	
	Phòng Dân tộc huyện				
1	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				Nghị quyết 134/NQ-HĐND ngày 30/8/2022
	Phòng Văn hoá và Thông tin	716	716	0	
1	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	499	499		Điều chỉnh
		217	217		Bổ sung

TT	Các đơn vị, danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	KC-HT	Quy mô (dự kiến)	KH vốn giải đoạn 2021-2025		Điều chỉnh		Tổng mức đầu tư	KH vốn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Tăng (+)	Giảm (-)		Tổng số	Ngân sách Trung ương	
3	Đường tư trung tâm xã Sơ Pài đi xã Đăk Smar	Xã Sơ Pài, xã Đăk Smar	2023-2025	Nền đường rộng Bn=4-6,5m, Mặt đường BTXM Bf=3,5m, hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT, chiều dài L=3,722 km			5.920		9.900	5.955	5.955	Đổi ứng 3.945 tr.đồng
4	Đường từ xã Đông đi Kông Long Khong, Kông Bơ La	Xã Đông, Kông Long Khong, Kông Bơ La	2023-2025	Gồm 02 đoạn: + Đoạn 01: Đường quy hoạch Liên xã Đông - Kông Bơ La đến nhà Năm Văn L=3,076km; + Đoạn 02: Đường liên xã từ làng Bờ Ngăn, xã Kông Long Khong đến tiếp giáp đường BTXM đi làng Lợt, xã Kông Bơ La, chiều dài L2=202,80m. Nền đường rộng Bn=6,5m, Mặt đường BTXM Bf=3,5m, hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT			5.280		6.600	5.245	5.245	Đổi ứng 1.355 tr.đồng

PHỤ LỤC 03

ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Kbang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Địa bàn	Quy mô (dự kiến)	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó:		
				Nguồn ngân sách Trung ương	Huy động nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác				Nguồn ngân sách Trung ương	Huy động nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	Xã Kông Lơng Khơng		9.877,4	9.286,0	591,4			9.877,4	9.286,0	591,4	
1	Đường mới làng K-giang: tuyến từ nhà ông Po vào nhà rông làng K-giang	Bê tông xi măng, hệ thống thoát nước, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	187,2	179,7	7,5			187,2	179,7	7,5	
2	Đường nội đồng thôn Hbang: Tuyến từ đất rẫy ông Sơn đến rẫy ông Hốp; Tuyến từ đất rẫy ông Hừu ra khu sản xuất.	Bê tông xi măng 450m, cấp phối chiều dài còn lại, hệ thống thoát nước	913,2	876,6	36,6			913,2	876,6	36,6	
3	Đường nội đồng làng Kđau: Ngã tư cuối làng đến nghĩa địa mới; tuyến Ngã tư cuối làng (giáp BTXM) đến Bãi rác mới	Bê tông xi măng đoạn xung yếu, hệ thống thoát nước	997,7	957,7	40,0			997,7	957,7	40,0	
4	Đường nội làng K-giang (mở rộng khu dân cư K-giang: tuyến từ đất ông Yrit đến đất ông Jân)	Đường cấp phối, hệ thống thoát nước	268,8	250,0	18,8			268,8	250,0	18,8	
5	Đường nội làng Pơ Ngai (Mở rộng khu dân cư)	Bê tông xi măng, hệ thống thoát nước, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	236,6	220,0	16,6			236,6	220,0	16,6	
6	Tuyến ngã tư liên xã đến đất Ô. Nghi.	Đường cấp phối, hệ thống thoát nước	238,7	222,0	16,7			238,7	222,0	16,7	
7	Nội đồng thôn Hbang: Tuyến từ đất Ô. Kiên ra khu sản xuất (Các tuyến nhánh chính)	Bê tông xi măng đoạn xung yếu, hệ thống thoát nước	1.473,1	1.370,0	103,1			1.473,1	1.370,0	103,1	
8	Nội đồng thôn Hbang: Tuyến từ đất Ô. Phong đến đất Ô. Giang	Bê tông xi măng đoạn xung yếu, hệ thống thoát nước	537,6	500,0	37,6			537,6	500,0	37,6	
9	Nội đồng làng K-giang: Tuyến từ nhà ô. Dang đến đất ông Khenh (Nối tiếp vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2020); Tuyến Nhà ông Gét ra khu sản xuất	Bê tông xi măng đoạn xung yếu, hệ thống thoát nước	708,2	660,0	48,2			708,2	660,0	48,2	
10	Nội đồng làng K-giang: Tuyến từ nhà ông Thiên ra khu sản xuất	Bê tông xi măng đoạn xung yếu, cấp phối, hệ thống thoát nước	215,1	200,0	15,1			215,1	200,0	15,1	
11	Nội đồng làng K-giang: Tuyến từ nhà ông Hòa ra khu sản xuất làng K-giang.	Bê tông xi măng đoạn xung yếu, hệ thống thoát nước	752,7	700,0	52,7			752,7	700,0	52,7	
12	Nội đồng làng Bờ - Chư Pâu: đoạn từ ngã 3 rẫy ông Cường (Như) vào khu sản xuất.	Bê tông xi măng, ngầm trần	376,3	350,0	26,3			376,3	350,0	26,3	
13	Nội đồng làng Dong: Tuyến từ cuối Làng Dong đến rẫy bà Cầm, tuyến từ rẫy ông Thành đến rẫy ông Tô	Bê tông xi măng đoạn xung yếu, hệ thống thoát nước	752,7	700,0	52,7			752,7	700,0	52,7	
14	Nội đồng làng MờHra - Đáp: Tuyến từ đất ông Bàn ra khu sản xuất	Bê tông xi măng, hệ thống thoát nước, Bm=3 m, Bn= 5m, M250	516,1	480,0	36,1			516,1	480,0	36,1	
15	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	San gạt mặt bằng, làm mới Phòng chức năng, công trình phụ trợ.	1.575,0	1.500,0	75,0			1.575,0	1.500,0	75,0	
16	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Hbang	Sửa chữa nhà văn hóa, công trình phụ trợ, chỉnh trang khuôn viên	128,4	120,0	8,4		128,4				Không đầu tư
17	Nhà rông làng Bờ - Chư Pâu (Chư Pâu) và nhà rông làng MờHven - Ôr (Ôr)	Đầu tư công trình phụ trợ, chỉnh trang khuôn viên				128,4		128,4			Bổ sung